

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2020/HC-PT

Ngày: 24 - 12 - 2020

V/v: “*Khởi kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Lê Tự

Ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày **24 tháng 12** năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 76/2020/TLPT-HC ngày 23-11-2020, về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2020/HC-ST ngày 12-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **353/2020/QĐ-PT** ngày **09 tháng 12** năm 2020, giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966; địa chỉ: tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên, người đại diện có ông Phan Trần Vạn H, Chủ tịch UBND thị xã S; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S, tỉnh Phú Yên, là ông Phan Trần Vạn H, Chủ tịch UBND thị xã S; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND thị xã S: Ông Phạm Văn C, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, có mặt.

2.3. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên, người đại diện có ông Nguyễn Chí H, Phó Chủ tịch UBND tỉnh; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh Phú Yên có ông Ngô Quang P, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; địa chỉ: thị xã S, tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; người đại diện theo ủy quyền có ông Trần Thanh V, Phó Chủ tịch UBND xã, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Trường Tiểu học X, người đại diện có bà Trương Thị Ngọc T, Phó Hiệu trưởng phụ trách; địa chỉ: xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.4. Bưu điện tỉnh Phú Yên, người đại diện có bà Cao Thị Hiền L, Giám đốc; địa chỉ: tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.5. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên, là Ông Đặng Ngọc A; người đại diện theo ủy quyền có ông Ngô Quang P, Phó Giám đốc, có mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 16-10-2017 và quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T cùng trình bày:

Cha mẹ bà Nguyễn Thị Đ là cụ Nguyễn L (Nguyễn L) và cụ Phạm Thị D (đều đã chết) có mua một mảnh vườn dừa tại thôn H, xã X, thị xã S (trước đây là huyện S), tỉnh Phú Yên; giấy tờ mua bán được Chính quyền cũ chứng thực vào ngày 04/01/1969, diện tích đất 08 sào ($500m^2/sào \times 8sào = 4000m^2$).

Cha mẹ bà Đ sử dụng đất đến năm 1977 thì cho Chính quyền địa phương mượn đất để xây dựng Trạm chế biến thu mua hải sản, thỏa thuận khi nào Công ty hải sản không còn nhu cầu sử dụng thì trả lại đất cho gia đình bà Đ (Việc thỏa thuận mượn đất không lập giấy tờ).

Năm 1999, Công ty hải sản không còn hoạt động, bỏ hoang vườn dừa, gia đình bà Đ đã nhiều lần làm đơn yêu cầu địa phương trả lại đất, nhưng UBND xã X, UBND thị xã S không giải quyết. Năm 2001, UBND thị xã S giao đất xây dựng Bưu điện văn hóa xã; năm 2004 giao đất xây dựng trường Mẫu giáo thôn H và năm 2009 giao đất xây dựng trường Tiểu học X (khi xây dựng Trường thì bà Đ có tranh chấp, ngăn cản).

Ngày 01/4/2009, bà Đ và ông T có đơn xin khiếu nại gửi đến Hội đồng nhân dân huyện S, về việc xin lại diện tích đất vườn dừa. Đến ngày 07/01/2010 thì Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Văn bản số 15/UBND về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn T với nội dung không công nhận khiếu nại.

Sau đó bà Đ tiếp tục khiếu nại, đến ngày 07/11/2016 Chủ tịch UBND thị xã S ban hành Văn bản số 1959/UBND-NC về việc trả lời đơn khiếu nại: Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại đòi lại đất của bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn B, ông Đinh Văn C (diện tích đo khảo sát 2.989m²).

UBND thị xã S cho rằng cha mẹ bà Đ đã hiến khu đất này cho Nhà nước nhưng không có căn cứ gì chứng minh, tương tự thì ông Đinh Văn C, ông Nguyễn Văn B cũng khiếu kiện đòi lại đất cho mượn như trường hợp của bà Đ. Việc cho mượn đất vào năm 1977 không làm mất quyền sử dụng đất của gia đình bà Đ. Năm 1977, Công ty hải sản chỉ bồi thường tài sản trên đất, không bồi thường về đất, Nhà nước không thực hiện thủ tục thu hồi đất của Cha mẹ bà Đ nên việc đòi lại đất là có cơ sở.

Bà Đ liên tục khiếu kiện từ năm 1996 đến nay, do đó năm 2011, 2013 UBND tỉnh Phú Yên cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSD đất) cho Trường Tiểu học xã X, Bưu điện tỉnh Phú Yên và UBND xã X là trái pháp luật, vì đất đang tranh chấp, không đủ điều kiện cấp GCN QSD đất.

Nay bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu: Hủy một phần Văn bản số 1959/UBND-NC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thị xã S về phần giải quyết khiếu nại của bà Đ; Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Trường Tiểu học xã X, Bưu điện tỉnh Phú Yên và UBND xã X; Buộc UBND thị xã S trả lại toàn bộ diện tích đất đã mượn của gia đình bà Đ là 3.870m² (bản trích đo hiện trạng theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ ngày 10/3/2020), tại thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

- *Người đại diện Ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND thị xã S trình bày:*

Vào năm 1969 vợ chồng ông Nguyễn L (L), bà Phạm Thị D là cha mẹ ruột

của bà Đ có tạo mãi diện tích đất vườn tại khu vực N, thôn H, xã X. Năm 1977, UBND huyện S đầu tư xây dựng Trạm chế biến, thu mua hải sản tại các thửa đất của ông Nguyễn L, Đinh Văn C và Nguyễn M (cha ông Nguyễn Văn B). Tổng diện tích khoảng 5.816m², thuộc các thửa đất 39, 40, 41, 61, 62 thuộc tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính đo đạc năm 2003.

Gia đình ông L, ông C và ông M đã thống nhất hiến đất để làm Trạm chế biến, thu mua hải sản và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thành quả lao động; có giấy biên nhận số tiền 100 đồng ngày 16/02/1977, do ông Đ Văn B lập (nguyên là Trưởng Trạm chế biến, thu mua hải sản) và có ký xác nhận của ông Phạm L – Trưởng thôn H. Năm 2009, ông C có đơn khiếu nại, qua làm việc thì ông C cũng thừa nhận sự việc trên.

Trạm chế biến thu mua hải sản được xây dựng, hoạt động từ năm 1977 đến năm 1991 thì giải thể. Cuối năm 1991 Phòng Tài chính huyện và các Cơ quan liên quan đã kiểm kê, thanh lý toàn bộ vật tư, tài sản của trạm, riêng về đất đai thì giao cho UBND xã X quản lý. Đến năm 1998 thì hoàn tất tháo dỡ công trình, tài sản của Trạm chế biến, thu mua hải sản. Năm 2001 xây dựng Bưu điện văn hóa xã, năm 2004 xây dựng trường mẫu giáo, năm 2006 xây dựng trụ sở Thôn, năm 2009 xây dựng trường Tiểu học X.

Yêu cầu đòi lại đất của bà Đ là không có cơ sở, vì đất đã được hiến cho Nhà nước quản lý, sử dụng hơn 40 năm, hồ sơ địa chính qua các thời kỳ không thể hiện sự đăng ký kê khai của gia đình bà Đ mà đều ghi nhận đất Nhà nước quản lý, sử dụng. Gia đình bà Đ không quản lý, sử dụng đất từ năm 1977 đến nay; trước năm 1995 khi Cha mẹ bà Đ còn sống nhưng không đòi lại đất là đã thừa nhận đất đã giao cho Nhà nước quản lý.

Căn cứ Điều 1 Nghị quyết số 23/2003/QH1 ngày 26/11/2003 của Quốc hội và khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013 thì nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất. Đề nghị Tòa bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

- Người đại diện UBND tỉnh Phú Yên trình bày:

Từ sau năm 1975, diện tích đất hiện bà Đ khởi kiện đòi lại, là đất xây dựng Trạm thu mua chế biến hải sản do Nhà nước quản lý, sử dụng đến năm 1991 thì giải thể; UBND huyện S (nay là thị xã S) đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn kiểm tra, thanh lý tài sản trên đất; đối với đất thì giao cho UBND xã X quản lý.

Năm 1994 đo đạc bản đồ 299/TTg, lập Sổ dã ngoại thể hiện các thửa đất do UBND xã quản lý, năm 2001 xây dựng Bưu điện văn hóa xã. Năm 2003 đo đạc

Bản đồ địa chính, lập Sổ mục kê ghi nhận các thửa đất do UBND xã quản lý, đất hoang, đất Bưu điện quản lý. Năm 2004 xây dựng Trường học, năm 2006 xây dựng trụ sở thôn H. Đến năm 2013 lập hồ sơ địa chính thể hiện đất thuộc quyền sử dụng của Trường Tiểu học X, UBND xã X và Bưu điện tỉnh Phú Yên.

Qua kiểm tra lại hồ sơ cấp GCN QSD đất đứng tên Trường Tiểu học X, UBND xã X và Bưu điện tỉnh Phú Yên đều được cấp đúng quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện hủy các GCN QSD đất nêu trên của bà Đ là không có cơ sở chấp nhận.

- Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Người đại diện UBND xã X trình bày: Thống nhất với Văn bản số 1959/UBND-NC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc trả lời đơn khiếu nại đòi lại đất; các thửa đất mà bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện đòi lại thì UBND xã X đã tiếp nhận, quản lý từ năm 1998. Hồ sơ địa chính liên quan đến các thửa đất bà Đ khởi kiện được lưu tại UBND xã gồm: Bản đồ 299 đo đạc năm 1994 và Sổ đã ngoại; Bản đồ địa chính đo đạc năm 2003 và Sổ đã ngoại; Bản đồ địa chính đo đạc năm 2012 và Sổ mục kê.

+ Người đại diện Trường Tiểu học xã X trình bày: Nhà trường được giao đất, cấp GCN QSD đất, xây dựng trụ sở và hoạt động ổn định đến nay, nên đề nghị Tòa xét xử theo quy định pháp luật để Trường được tiếp tục hoạt động giảng dạy.

+ Người đại diện Bưu điện tỉnh Phú Yên trình bày: Bưu điện được giao đất, cấp GCN QSD đất, xây dựng trụ sở Bưu điện văn hóa xã X. Do đó, đề nghị được tiếp tục sử dụng trụ sở để phục vụ bưu chính, viễn thông theo Giấy chứng nhận được cấp.

[2] Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 33/2020/HC-ST ngày 12-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 358 Luật Tổ tụng Hành chính; khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Về yêu cầu hủy: Một phần Văn bản số 1959/UBND-NC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S về việc trả lời đơn khiếu nại đòi lại đất của

bà Nguyễn Thị Đ; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 133490 đứng tên Bưu điện tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 26/9/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 810077 đứng tên Ủy ban nhân dân xã X được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 16/8/2013; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 810332 đứng tên Trường tiểu học X được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 02/10/2013.

Về yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã S trả lại diện tích đất 3.870m², tọa lạc tại thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (*theo bản trích đo hiện trạng thửa đất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ ngày 10/3/2020, BL172*), vì không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ hiện trạng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[3] Kháng cáo: Ngày 26-10-2020 người khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2020/HC-ST ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng các quy định tại Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung và đối tượng khởi kiện: Ngày 18/10/2017 bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện Văn bản số 1959/UBND-NC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc trả lời khiếu nại đòi đất của các ông C, bà Đ và ông B; Hủy một phần Văn bản số 1959/UBND-NC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thị xã S về phần giải

quyết khiếu nại của bà Đ; Hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Trường Tiểu học xã X, Bưu điện tỉnh Phú Yên và UBND xã X; Buộc UBND thị xã S trả lại toàn bộ diện tích đất đã mượn của gia đình bà Đ là 3.870m² (bản trích đo hiện trạng theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ ngày 10/3/2020), tại thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

[3] Xét kháng cáo:

Xác định về nguồn gốc và quá trình sử dụng diện tích đất 3.870m², tọa lạc tại thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (*theo bản trích đo hiện trạng ngày 10/3/2020, BL172*) do cha mẹ bà Đ nhận chuyển nhượng vào ngày 04/01/1969, diện tích 08 sào, có chứng thực của chính quyền chế độ cũ. Cha mẹ bà Đ sử dụng đến năm 1977 thì tự nguyện hiến đất cho Nhà nước xây dựng cơ sở thu mua, chế biến hải sản. Cùng thời điểm đó ông Đinh Văn C và ông Nguyễn M (cha ruột ông Nguyễn Văn B) cũng hiến đất cho Nhà nước xây dựng cơ sở thu mua, chế biến hải sản như cha mẹ bà Đ. Các bên thỏa thuận nhận số tiền 100 đồng bồi thường thành quả lao động, có giấy biên nhận ngày 16/02/1977, do ông Đ Văn B lập (nguyên là Trưởng Trạm chế biến, thu mua hải sản) và có ký xác nhận của ông Phạm L (nguyên là Trưởng thôn H).

Cơ sở thu mua, chế biến hải sản hoạt động từ năm 1977 đến năm 1991 thì giải thể, năm 1992 các đơn vị chuyên môn của UBND huyện S lúc bấy giờ lập thủ tục kiểm kê, thanh lý tài sản trên đất, đến năm 1998 hoàn thành việc tháo dỡ các tài sản trên đất và giao đất cho UBND xã X quản lý. Đến năm 2001 xây dựng công trình Bưu điện xã, năm 2004 xây dựng trường học, năm 2006 xây dựng trụ sở Thôn; đến nay đã cấp GCN QSD đất cho Bưu điện tỉnh Phú Yên, Trường Tiểu học xã X, UBND xã X và xây dựng đường đi công cộng (bê tông nông thôn).

Xét thấy hồ sơ địa chính được lập từ năm 1994 đến nay không thể hiện việc đăng ký, kê khai của gia đình bà Đ, hồ sơ địa chính đều ghi nhận đất do UBND xã X quản lý, đất thuộc quyền sử dụng của Bưu điện tỉnh Phú Yên, Trường Tiểu học xã X. Thực tế gia đình bà Đ không quản lý, sử dụng đất từ năm 1977. Không có tài liệu chứng cứ chứng minh về việc cho mượn đất của bà Nguyễn Thị Đ.

Như vậy, toàn bộ diện tích đất 3.870m² mà bà Đ kiện đòi lại trong vụ án này đã được Nhà nước quản lý và giao cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách đất đai từ trước năm 1993.

Theo khoản 2 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2003 và khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định “*Nhà nước không*

thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, do đó việc bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu UBND thị xã S trả lại diện tích đất 3.870m² là không được pháp luật thừa nhận.

Văn bản số 1959/UBND-NC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thị xã S về việc trả lời đơn khiếu nại đòi lại đất của bà Nguyễn Thị Đ là có cơ sở pháp luật. Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Bưu điện tỉnh Phú Yên, Trường Tiểu học xã X, UBND xã X không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Đ.

[4] Từ những căn cứ trên, xét thấy Bản án hành chính sơ thẩm xử không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án, nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[5] Kháng cáo của Người khởi kiện không được chấp nhận, người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Án phí hành chính sơ thẩm và chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, giữ y như quyết định của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng hành chính; Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đ và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2020/HC-ST ngày 12-10-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, cụ thể:

- Bác yêu cầu hủy một phần Văn bản số 1959/UBND-NC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S về việc trả lời đơn khiếu nại đòi lại đất của bà Nguyễn Thị Đ

- Bác yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bao gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 133490 đứng tên Bưu điện tỉnh Phú Yên được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 26/9/2011; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 810077 đứng tên Ủy ban nhân dân xã X được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 16/8/2013; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 810332 đứng tên Trường tiểu học X được Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên cấp ngày 02/10/2013.

- Bác yêu cầu đòi trả lại diện tích đất 3.870m², tọa lạc tại thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (*mô tả lại theo bản trích đo hiện trạng thửa đất theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị Đ ngày 10/3/2020*).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không nêu lại trong phần quyết định của bản án phúc thẩm này, được giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

4. Về án phí hành chính phúc thẩm bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số 0006675 ngày 30/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ III-TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên
- Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long